

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-ST

Ngày: 15/7/2022

V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**

2. Ông **LÊ VĂN LẬU**

- Thư ký phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRƯỜNG AN** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **TRẦN HUƠNG LINH** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 241/2021/TLST-DS ngày 03/6/2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Thông báo về việc dời ngày mở lại phiên tòa số 115/2022/TB-TA ngày 17/6/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **MAI THỊ HỒNG A**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp HP2, xã HMBA, huyện CB, tỉnh TG.

* Bị đơn: Ông **NGUYỄN VĂN M**, sinh năm: 1967

Bà **NGUYỄN THỊ S**, sinh năm: 1970

Cùng địa chỉ: ấp HP2, xã HMBA, huyện CB, tỉnh TG.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **LÊ VĂN T**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp HP2, xã HMBA, huyện CB, tỉnh TG.

(bà A có mặt tại phiên tòa, ông M, bà S, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, phía nguyên đơn bà Mai Thị Hồng A trình bày:

Từ năm 2012 đến năm 2017, bà có cho vợ chồng ông M, bà S vay nhiều lần tiền cụ thể:

- + Ngày 29/8/2012 vay số tiền 44.000.000 đồng.
- + Ngày 08/02/2013 vay số tiền 50.600.000 đồng.
- + Ngày 11/5/2013 vay số tiền 91.300.000 đồng.
- + Ngày 21/8/2015 vay số tiền 99.950.000 đồng.
- + Ngày 23/11/2016 vay số tiền 49.000.000 đồng.
- + Ngày 16/02/2017 vay số tiền 137.200.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vợ chồng ông M, bà S nợ là 472.050.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận với nhau là khi nào cần lấy lại sẽ thông báo trước 01 tháng. Khi vay ông M, bà S cùng nhận tiền nhưng chỉ có mình ông Minh là người đại diện ký tên vào các biên nhận nợ.

Khi bà cần tiền, bà nhiều lần đến đòi thì phía ông M, bà S cố tình lẩn tránh cho đến nay không trả cho bà.

Nay bà yêu cầu ông M và bà S cùng trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ tổng cộng là 472.050.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị S đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông, bà vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến đối với vụ kiện.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày: Ông thống nhất với ý kiến yêu cầu khởi kiện của vợ ông, ông không có ý kiến khác.*

Tại phiên tòa bà A vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa :*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy:

Căn cứ vào các biên nhận nợ bà Mai Thị Hồng A cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị S vay gồm biên nhận ngày 29/8/2012 vay số tiền 44.000.000 đồng, biên nhận ngày 08/02/2013 vay số tiền 50.600.000 đồng, biên nhận ngày 11/5/2013 vay số tiền 91.300.000 đồng, biên nhận ngày 21/8/2015 vay số tiền 99.950.000 đồng, biên nhận ngày 23/11/2016 vay số tiền 49.000.000 đồng, biên nhận ngày 16/02/2017 vay số tiền 137.200.000 đồng, tổng số tiền 472.050.000 đồng có chữ ký xác nhận của ông M. Tuy trong các biên nhận không có chữ ký của bà S nhưng khoản nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, số tiền vay dùng để làm ăn kinh doanh chung nên bà S cũng phải có trách nhiệm trả nợ chung. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án phía ông M và bà S tuy được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết việc bị bà A khởi kiện đòi tiền vay nợ nhưng không có ý kiến. Từ đó, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị S liên đới trả số tiền 472.050.000 đồng một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

- Phía bị đơn ông M, bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Tranh chấp giữa bà Mai Thị Hồng A với ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị S là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện :

Phía bà A xác định phía bị đơn có vay tiền của bà và có xác lập 06 giấy biên nhận nợ vào các ngày: ngày 29/8/2012 vay số tiền 44.000.000 đồng, ngày 08/02/2013 vay số tiền 50.600.000 đồng, ngày 11/5/2013 vay số tiền 91.300.000 đồng, ngày 21/8/2015 vay số tiền 99.950.000 đồng, ngày 23/11/2016 vay số tiền 49.000.000 đồng, ngày 16/02/2017 vay số tiền 137.200.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng ông M, bà S nợ là 472.050.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận với nhau là khi nào cần lấy lại sẽ thông báo trước 01 tháng. Khi vay ông M, bà S cùng nhận tiền nhưng chỉ có mình ông M là người đại diện ký tên vào các biên nhận nợ. Khi bà cần tiền đòi thì phía ông M, bà S cố tình lẩn tránh cho đến

nay không trả. Nay phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ tổng cộng là 472.050.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Còn phía bị đơn ông M và bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 06 giấy biên nhận nợ đề ngày 29/8/2012, 08/02/2013, 11/5/2013, 21/8/2015, 23/11/2016 và 16/02/2017 thể hiện phía bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền tổng cộng là 472.050.000 đồng, mặc dù trong biên nhận do ông M đại diện ký tên nhưng ông M và bà S là quan hệ vợ chồng, mục đích vay tiền là làm ăn kinh tế chung chăm lo cho gia đình, từ khi vay cho đến nay phía bị đơn lẩn tránh, không thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù phía nguyên đơn nhiều lần đòi. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ lấy lời khai ông Nguyễn Văn T (anh ruột bà S), ông Nguyễn Thanh T (cha ruột ông M) thì phía ông T, ông T xác định có thông báo cho phía bị đơn về việc Tòa án thụ lý vụ kiện tranh chấp giữa các bên nhưng không biết vì sao phía bị đơn không đến Tòa, xét thấy phía Tòa án đã triệu tập hợp lệ, đồng thời niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho phía bị đơn thông báo về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện xem như phía bị đơn tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gây thiệt thòi quyền lợi cho phía nguyên đơn, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ tổng cộng là 472.050.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Ông M, bà S có trách nhiệm trả nợ cho bà A nên ông, bà phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 227, 228, 235, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Hồng A.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị Hồng A số tiền nợ là 472.050.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông M, bà S chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị S phải chịu 22.882.000 đồng án phí DSST.

+ Hoàn lại cho bà Mai Thị Hồng A 11.441.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000752 ngày 03/6/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

* Về quyền kháng cáo : Bà A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông M, bà S, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH